

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 322/2024/DS-PT

Ngày: 20-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19/6/2024 và 20/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 325/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Dương Văn M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Chị Bùi Thanh T, sinh năm.

Địa chỉ: Quốc lộ C, Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M: Luật sư Nguyễn

Văn H - Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: Quốc lộ H, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Thái Văn Q, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ E, ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

3.2. Anh Thái Ngọc Q1, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

3.3. Anh Thái Ngọc Q2, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

3.4. Chị Lê Kiều Diễm P, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ E, ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Thái Văn Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Vào tháng 02/2013, ông Dương Văn M và ông Thái Văn Q có thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như sau: Phần thứ nhất: Diện tích 386,3m², trong đó đất thổ là 120m², đất cây lâu năm là 266,3m², làm thủ tục chuyển nhượng xong, nay ông M đã đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần thứ hai: Diện tích cách đường lộ khoảng 03m, chiều ngang 03m, chiều dài 18m, tổng diện tích là 54m² thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp E, xã P, huyện C. Tổng số tiền chuyển nhượng là 70.000.000 đồng, đã giao đủ cho ông Q.

Đối với phần diện tích 54m² đang tranh chấp, ông M có làm thủ tục tách thửa nhưng Phòng Tài nguyên Môi trường huyện C đã có giấy thông báo vào ngày 15/6/2015 là không đủ điều kiện. Từ khi có thông báo cho đến năm 2022, ông M đi làm ăn xa nên vẫn để đất ở đó. Đến tháng 6/2022, ông M có về tiến hành dọn cỏ và rào lại diện tích đất đã nhận chuyển nhượng nhưng phía ông Q cản trở.

Do có tranh chấp nên vào ngày 24/6/2022, ông M đã làm Tờ tường trình gửi đến Ủy ban nhân dân xã P, Ban nhân dân ấp 5, Tổ hòa giải ấp E để trình bày sự việc. Ngày 11/8/2022, ông M và ông Q có đến Ủy ban nhân dân xã P để hòa giải với nhau nhưng không thành. Vì ông Q cho rằng đối với phần diện tích 54m² để đi xuống sông lúc đó chỉ hứa cho miệng, không làm giấy tờ

gì nên không cho đi nữa. Bên cạnh đó, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trả lời phần đất có chiều ngang 03m, chiều dài 18m, diện tích 54m² không đủ diện tích để tách thửa, ông M cũng có ý nhận chuyển nhượng thêm 02m chiều ngang để cho đủ diện tích nhưng ông Q không đồng ý.

Nay ông Dương Văn M yêu cầu ông Thái Văn Q, bà Nguyễn Thị C, anh Thái Ngọc Q1, anh Thái Ngọc Q2 và chị Lê Kiều Diễm P tiếp tục chuyển nhượng phần đất diện tích 49,1m², đất thuộc một phần thửa số 54, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do hộ ông Thái Văn Q đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể trong phạm vi các mốc M2 – M3 – M4 – M5 – M2 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 24/02/2023.

- Ông Thái Văn Q trình bày: Đầu năm 2013, ông Q có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông M diện tích đất 386,3m² bằng giấy tay đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất xong. Hiện nay, ông M đã đứng tên quyền sử dụng đất nói trên. Khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên, do không có đường xuống sông nên ông Q thống nhất cho thêm ông M diện tích đất có chiều ngang 03m, chiều dài từ mặt lộ đến mé sông C thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ 10 để làm lối đi. Các bên có tiến hành cắm trụ đá để xác định diện tích. Việc cho ông M diện tích đất nói trên chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ gì với nhau. Thỏa thuận thủ tục tách thửa do ông M thực hiện, ông Q có ký các văn bản như: Đơn đề nghị tách thửa đất, hợp thửa đất đề ngày 31/3/2015; bản đồ đo đạc ngày 07/4/2015 và giao toàn bộ giấy tờ cho ông M. Tuy nhiên, diện tích đất không đủ diện tích tách thửa, sang tên và do hoàn cảnh của ông Q rất khó khăn nên có đề nghị ông M nhận chuyển nhượng thêm chiều ngang 02m chiều dài từ mé lộ đến mé sông C thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ 10 cộng với phần đã cho để đủ diện tích tách thửa, sang tên nhưng ông M không đồng ý. Ông M nói rằng thà nhận chuyển nhượng đất của người giáp ranh phía bên kia chứ không đồng ý nhận chuyển nhượng thêm phần đất của ông Q. Do đó, ông Q cũng không đồng ý cho phần đất làm lối đi như thỏa thuận ban đầu nên việc tặng cho quyền sử dụng đất không thành. Nay ông Q không đồng ý tặng cho phần diện tích này cho ông M.

Hiện nay, phần diện tích đất thuộc thửa 54 đã cho người khác thuê nhưng phần diện tích đất các bên đang tranh chấp là đất trống, không ai sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay ông Q đang giữ, không

cầm cố, thế chấp.

Riêng diện tích thửa 184 đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng xong, không yêu cầu giải quyết. Tổng số tiền chuyển nhượng theo giấy tay ông M cung cấp là 70.000.000 đồng, ông Q đã nhận đủ.

Tại Bản án sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Dương Văn M;

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn M với hộ ông Thái Văn Q đối với diện tích 49,1m² thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ số 10, loại đất lâu năm khác tọa lạc tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc ông Thái Văn Q, bà Nguyễn Thị C, anh Thái Ngọc Q1, anh Thái Ngọc Q2 và chị Lê Kiều Diễm P có nghĩa vụ giao cho ông Dương Văn M diện tích 49,1m² thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ số 10, loại đất trồng cây lâu năm khác tọa lạc tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể trong phạm vi các mốc M2 – M3 – M4 – M5 – M2 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 24/02/2023.

Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 24/02/2023 và biên bản xem xét thẩm định ngày 24/02/2023.

Ông Dương Văn M, ông Thái Văn Q, bà Nguyễn Thị C, anh Thái Ngọc Q1, anh Thái Ngọc Q2 và chị Lê Kiều Diễm P1 có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục kê khai, đăng ký, tách, chuyển, điều chỉnh đối với diện tích đất đã được Tòa án công nhận quyền sử dụng theo bản án đã tuyên.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: Số BP 471433, vào sổ cấp số CH01333, cấp ngày 30/10/2013, cho hộ ông Thái Văn Q diện tích 702 m², loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 54 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp E, xã P, huyện C để cấp lại cho ông Dương Văn M theo bản án đã tuyên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 04/7/2023, ông **Thái văn Q3** kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà **Bùi Thanh T** trình bày: Ông **Dương Văn M** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với ông **Thái Văn Q4** về giải quyết vụ án.

+ Ông **Thái Văn Q** trình bày: Ông **Q** giữ nguyên việc kháng cáo không đồng ý giao đất cho ông **M**, vì ông không có chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho ông **M**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông **Thái Văn Q**, sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **M** và không công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông **M** và ông **Q**.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Dương Văn M** khởi kiện **Thái Văn Q** về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Ông **Q** kháng cáo trong thời hạn nên chấp nhận. Ông **M** ủy quyền cho bà **Bùi Thanh T** thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm phù hợp quy định nên chấp nhận. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xét xử theo quy định.

[2] Nguồn gốc đất là của ông **Q** diện tích tranh chấp 49,1m² một phần thửa đất số 54 tờ bản đồ số 10 loại đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ ông **Q** ngày 30/10/2013; đất tại **Áp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp**. Ông **M** yêu cầu ông **Q**, bà **Nguyễn Thị C**, anh **Thái Ngọc Q1**, anh **Thái Ngọc Q2** và chị **Lê Kiều Diễm P2** tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ. Ông **Q** không đồng ý theo yêu cầu của ông **M**, vì trước đây

ông có cho ông M phần đất tranh chấp ngang 03m dài từ lộ đến mé sông để làm lối đi và ông có đề nghị ông M nhận chuyển nhượng thêm chiều ngang 02m nhưng ông M không đồng ý nên nay ông Q không cho ông M phần đất làm lối đi nêu trên.

Xét thấy ông M trình bày là ông Q thỏa thuận chuyển nhượng QSDĐ diện tích đất đo đạc thực tế 49,1m² là có cơ sở, bởi vì:

Việc thỏa thuận chuyển nhượng có viết giấy tay, cụ thể là theo “Tờ hợp đồng mua bán đất” đề ngày 11/02/2013, ông Q thừa nhận tự nguyện thỏa thuận và ký tên. Theo nội dung hợp đồng thể hiện Thái Văn Q đồng ý bán cho ông Dương Văn M một phần đất như sau:

“Từ đường tới hậu, từ cô Bảy T1 ngang 7m (bảy mét).

Từ đường xuống sông là 03m (ba mét)

Tổng diện tích chưa tính được, trong đó có 70m thổ cư còn lại là vườn tạp, với tổng số tiền là 70.000.000đ”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T và ông Q đều thống nhất đã lập thủ tục chuyển nhượng QSDĐ cho ông M đứng tên giấy chứng nhận và hiện tại là thửa 184 tờ bản đồ số 10 cấp ngày 13/4/2015 và phần đất này là ở vị trí phía trên lộ. Qua đó cho thấy ông M mới được cấp giấy chứng nhận đối với phần đất ghi trong hợp đồng “Từ đường tới hậu, từ cô Bảy T1 ngang 7m (bảy mét). Như vậy theo hợp đồng ghi nhận phần đất “Từ đường xuống sông là 03m (ba mét)” là phần đất tranh chấp cũng được xác định chuyển nhượng luôn cho ông M nên hợp đồng mới ghi nhận là tổng giá tiền là 70.000.000đ. Đồng thời ông Q thừa nhận có lập các thủ tục tách thửa đất như nguyên đơn cung cấp, việc lập thủ tục này phù hợp với ý chí của hai bên là có thỏa thuận mua bán phần đất chiều ngang 03m được ghi trong hợp đồng ngày 11/02/2013. Ông Q cho rằng diện tích đất 49,1m² là ông tặng cho ông M để làm lối đi nhưng ghi chung trong hợp đồng nhưng ông Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Ngoài ra các nhân chứng như ông Thái Hoàng T2, ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Kim Y đều khai là có việc chuyển nhượng phần đất tranh chấp và đã cầm trụ đá để giao đất cho ông M. Vì vậy có căn cứ xác định diện tích 49,1m² là của ông Q chuyển nhượng cho ông M.

Tại Công văn số 364/PTN.MT-HC ngày 15/4/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C ý kiến như sau: Căn cứ Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C, về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu của xã P. Thửa đất số 54 tờ bản đồ số 10, xin tách thành hai thửa số 186, 187. Trong đó thửa 186 diện tích 54m², loại đất trồng cây lâu năm. Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, ban hành quy định diện tích đất tối thiểu được tách thửa và việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đối với đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp quy định: *Trường hợp thửa đất đang sử dụng là đất nông nghiệp xin tách thửa mà tại vị trí thửa đất này Nhà nước đã quy hoạch là đất ở thì được tách thửa, nhưng diện tích tối thiểu theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 4 Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND là theo hạn mức đất ở, khu vực nông thôn diện tích tối thiểu được tách thửa đất là 80m². Vì vậy thửa số 54 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã P chưa thể tách thửa được.* Đồng thời tại Công văn số 2041/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 15/5/2024 của Sở T3; Công văn số 1233/UBND ngày 17/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định, diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất nông nghiệp tại nông thôn từ 700m² trở lên, diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở tại nông thôn không có nhà ở từ 80m² trở lên.

Vì vậy ông Q và ông M thỏa thuận chuyển nhượng một phần thửa đất số 54 diện tích 49,1m², loại đất trồng cây lâu năm là không bảo đảm diện tích tối thiểu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Để bảo đảm việc tách thửa cấp giấy chứng nhận QSDĐ đúng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, nên không công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông M và ông Q4. Do đó yêu cầu kháng cáo của ông Q là có cơ sở.

Theo bà T trình bày thì tại Tòa án cấp sơ thẩm ông M chỉ yêu cầu công nhận hợp đồng chứ chưa có yêu cầu xem xét giải quyết hậu quả hợp đồng khi hợp đồng không thực hiện được. Vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết về hậu quả hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ nêu trên, khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, sửa quyết định của bản án dân sự sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q, sửa một phần bản án sơ thẩm. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí phúc thẩm: Ông Q không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm c, khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 500 và Điều 503 Bộ luật dân sự; Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai; Điểm a, Khoản 2, Điều 2, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái Văn Q.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Dương Văn M.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn M với hộ ông Thái Văn Q đối với diện tích 49,1m² thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ số 10, loại đất lâu năm khác, tọa lạc tại ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là vô hiệu.

Buộc ông Dương Văn M di dời trụ đá mốc ranh và tài sản (nếu có) ra khỏi phần diện tích đất tranh chấp nêu trên theo quy định của pháp luật (trong phạm vi các mốc M2 – M3 – M4 – M5 – M2 theo sơ đồ đo đạc ngày 24/02/2023)

Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 24/02/2023 và biên bản xem xét thẩm định ngày 24/02/2023.

3. Về án phí:

Ông Dương Văn M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 330.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu

số 0014786 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Vậy ông **M** còn phải nộp tiếp là 30.000đ.

Ông **Thái Văn Q**, bà **Nguyễn Thị C**, anh **Thái Ngọc Q1**, anh **Thái Ngọc Q2** và chị **Lê Kiều Diễm P** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Thái Văn Q** không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông **Q** tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004184 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí tố tụng:

Ông **Dương Văn M** phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 3.294.000 đồng. (Đã nộp và chi xong)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng